

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Kèm theo

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	[2] - [4]
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	[5] - [6]
3. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	[7] - [8]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	[9]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	[10-11]
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc	[12] - [46]

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 28 tháng 04 năm 2021.

Ngày 10/08/2022, Công ty đã gửi hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ từ 115.000.000.000 đồng (Một trăm mười lăm tỷ đồng) lên 230.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tỷ đồng) theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
- Ông Đỗ Trần Mai	Thành Viên
- Bà An Hà My	Thành Viên

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Bùi Thị Thanh Nam	Trưởng ban Kiểm soát
- Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên
- Bà Lê Thị Thoa	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Công ty có công ty con như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	Số 59, đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam	Thôn Du Ngoại, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Sơn miền Bắc	Số 59 Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á - Chi nhánh Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ kế toán

Theo Nghị quyết số 02/2019/HĐA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/09/2021 của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 115.000.000.000 đồng (Một trăm mười lăm tỷ đồng./.) lên 230.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tỷ đồng./.).

6. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Sơn

Số: 79/2022/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á được lập ngày 26 tháng 08 năm 2022, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.


Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam 



Dương Thị Thảo
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0162-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		332.459.534.540	207.478.344.942
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		72.011.720.601	72.564.678.207
1. Tiền	111	5.1	72.011.720.601	72.564.678.207
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.8	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		139.890.938.433	72.321.671.180
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	58.544.287.736	59.817.866.614
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	35.042.356.267	4.558.607.706
3. Các khoản phải thu khác	136	5.4	51.493.734.368	13.134.636.798
4. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.10	(5.189.439.938)	(5.189.439.938)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	107.508.494.096	58.441.398.575
1. Hàng tồn kho	141		107.508.494.096	58.441.398.575
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.048.381.410	4.150.596.980
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	9.941.697.933	4.094.164.874
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.974.778.606	48.432.106
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	131.904.871	8.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		173.995.342.476	182.531.662.477
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		70.259.385.384	81.363.236.272
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	64.307.659.240	75.344.258.984
- Nguyên giá	222		150.781.435.079	155.306.024.401
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.473.775.839)	(79.961.765.417)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	5.951.726.144	6.018.977.288
- Nguyên giá	228		6.765.326.300	6.765.326.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(813.600.156)	(746.349.012)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.7	-	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		78.378.907.041	76.032.440.031
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	78.378.907.041	76.032.440.031
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	2.400.000.000	2.400.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.8	2.400.000.000	2.400.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		22.957.050.051	22.735.986.174
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	3.728.209.897	2.225.223.343
2. Lợi thế thương mại	269	5.9	19.228.840.154	20.510.762.831
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		506.454.877.016	390.010.007.419

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 01a-DN/HN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		178.745.939.381	166.238.161.642
I. Nợ ngắn hạn	310		164.531.304.734	145.831.425.559
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	56.509.302.285	42.585.713.960
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	4.143.737.426	2.888.320.978
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	3.187.503.411	9.320.803.694
4. Phải trả người lao động	314		1.631.913.969	2.601.184.956
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	515.000.000	694.475.822
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	21.351.195.114	15.198.240.866
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	75.613.947.491	70.963.980.245
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.578.705.038	1.578.705.038
II. Nợ dài hạn	330		14.214.634.647	20.406.736.083
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	720.430.120	720.430.120
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	12.229.236.579	19.100.761.435
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.264.967.948	585.544.528
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.19	327.708.937.635	223.771.845.777
I. Vốn chủ sở hữu	410		327.708.937.635	223.771.845.777
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		230.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230.000.000.000	115.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(275.454.545)	(68.454.545)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		78.806.276.308	67.182.439.634
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		4.055.573.327	26.483.163.202
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	461.791.044
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.055.573.327	26.021.372.158
5. Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	429		15.122.542.545	15.174.697.486
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		506.454.877.016	390.010.007.419

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Thái

Hoàng Văn Tuấn

Nguyễn Văn Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 02a-DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	151.475.853.477	188.491.099.072
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	37.730.185.221	50.218.817.741
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		113.745.668.256	138.272.281.331
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	62.891.805.916	77.241.976.275
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.853.862.340	61.030.305.056
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	24.983.042	29.799.039
7. Chi phí tài chính	22	6.5	2.491.185.699	2.283.330.642
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.491.185.699	2.280.836.331
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết			-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	31.046.328.025	33.608.131.997
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	10.537.764.122	10.384.662.409
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.803.567.536	14.783.979.047
12. Thu nhập khác	31	6.6	399.645.000	25.941.476
13. Chi phí khác	32	6.7	264.837.800	271.446.773
14. Lợi nhuận khác	40		134.807.200	(245.505.297)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.938.374.736	14.538.473.750
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	1.717.359.663	2.762.081.746
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	679.423.420	586.990.809
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.541.591.653	11.189.401.195
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ	61		4.055.573.327	10.209.598.562
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Cổ đông không kiểm soát	62		486.018.326	979.802.633
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12	235	888
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12	235	888

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Thái

Hoàng Văn Tuấn

Nguyễn Văn Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 03a-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.938.374.736	14.538.473.750
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		11.016.932.706	11.490.203.006
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		174.435.586	(25.312.560)
- Chi phí lãi vay	06		2.491.185.699	2.280.836.331
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.620.928.727	28.284.200.527
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(70.619.518.624)	(5.095.928.216)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(49.067.095.521)	(17.192.668.228)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.928.708.884	(3.115.901.680)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.350.519.613)	(6.084.014.466)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.491.185.699)	(2.280.836.331)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.779.585.138)	(2.504.382.526)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(109.758.266.984)	(7.989.530.920)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.040.044.779)	(18.260.231.552)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.863.000.000	1.224.574.784
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.983.042	29.799.039
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.152.061.737)	(17.005.857.729)

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 03a-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		115.000.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		102.284.375.068	113.559.646.392
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(101.751.686.678)	(104.981.437.043)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(2.754.246.000)	(1.225.518.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.421.071.275)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		110.357.371.115	7.352.691.349
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(552.957.606)	(17.642.697.300)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		72.564.678.207	39.539.403.671
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		72.011.720.601	21.896.706.371

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Thái

Hoàng Văn Tuấn

Nguyễn Văn Sơn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN/HN**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 28 tháng 04 năm 2021.

Ngày 10/08/2022, Công ty đã gửi hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ từ 115.000.000.000 đồng (Một trăm mười lăm tỷ đồng) lên 230.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tỷ đồng) theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh các loại sơn, bột bả.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất nước sơn, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chỉ gồm có: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chỉ gồm có: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ các thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chỉ gồm: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Dịch vụ phụ vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN/HN

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các công ty con:**Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101814871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 07 tháng 03 năm 2016 và thay đổi lần thứ 1 ngày 26/01/2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 1101814871 thay đổi lần thứ 1 ngày 26/01/2018 là 55.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn./).

Trụ sở tại Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 01 năm 2018 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 25 tháng 01 năm 2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 thay đổi lần 2 ngày 25/01/2022 là 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn ./). Trong kỳ, Công ty có tăng vốn lên 100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn ./). Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại vốn thực góp của Công ty là 95.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi lăm tỷ đồng chẵn ./) nên Công ty chưa làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Trụ sở tại số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107685109 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 28 tháng 03 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 ngày 28/03/2018 là 5.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm tỷ đồng).

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam có tăng vốn nhưng do chưa góp đủ vốn nên Công ty chưa làm thủ tục thay đổi đăng ký Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Trụ sở tại thôn Du Ngoại, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Tên	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	81,82%	81,82%
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	94,74%	90%
Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam	90%	90%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN/HN

Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Sơn miền Bắc	Số 59 Thiên Đức, TT. Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á – Chi nhánh Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á (công ty mẹ), Báo cáo tài chính của giữa niên độ Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG (công ty con) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam (công ty con) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

Kết quả kinh doanh hợp nhất được tổng hợp từ kết quả kinh doanh của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kết quả kinh doanh của các Công ty con - Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG, Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam và Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 sau khi điều chỉnh các giao dịch nội bộ giữa công ty mẹ - công ty con và các công ty con với nhau.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con..

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN/HN

từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành đang áp dụng.

Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Tổng số lao động trong Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á đến ngày 30/06/2022 là: 90 lao động.

Tổng số lao động trong Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam đến ngày 30/06/2022 là: 56 lao động.

Tổng số lao động trong Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG đến ngày 30/06/2022 là: 41 lao động.

Tổng số lao động trong Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam đến ngày 30/06/2022 là: 8 lao động.

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN/HN

thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN/HN***Tài sản cố định vô hình***

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm

05 năm

Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm số thuế GTGT phải trả cho bên cho thuê.

4.6. Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của công ty bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Nguyên tắc xác định giá trị của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo phương pháp giá gốc.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí quảng cáo, chi phí đồng phục, chi phí li xăng nhãn hiệu hàng hóa và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN/HN**4.9. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán, chi phí duy trì và phát triển nhãn hiệu và các chi phí phải trả khác. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10. Vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty và theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.11. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (iv) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

4.12. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN/HN

quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay, chi phí cho hoạt động đầu tư phát sinh trong kỳ kế toán. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.13. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á, Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam và Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%.

Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 17% trong thời gian 10 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm kể từ năm 2019.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.14. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.16. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực Kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN/HN

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số 8.6.

4.17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: kinh doanh các loại sơn, bột bả, keo chống thấm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền mặt	11.113.627.754	3.682.947.590
Tiền gửi ngân hàng	60.898.092.847	68.881.730.617
Cộng	72.011.720.601	72.564.678.207

5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022	01/01/2022
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	58.544.287.736	59.817.866.614
- Các khoản phải thu khách hàng khác	58.544.287.736	59.817.866.614
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-

5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2022	01/01/2022
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	35.042.356.267	4.558.607.706
- Oliver Y Battle S.A.U	216.974.657	216.974.657
- Công ty TNHH Sản xuất SKD Việt Nam	2.480.530.000	2.480.530.000
- Công ty TNHH Solid Tech	11.270.023.098	210.593.098
- Công ty Cổ phần Nguyên liệu Viglacera	19.575.000.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.499.828.512	1.650.509.951
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-

5.4 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	51.493.734.368	-	13.134.636.798	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược (i)	31.258.031.829	-	638.031.829	-
- Tạm ứng	18.332.531.821	-	11.895.962.487	-
- Phải thu khác	1.832.146.155	-	539.836.125	-
- Phải trả khác (dư nợ)	71.024.563	-	60.806.357	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan	-	-	-	-

(i) Đặt cọc cho ông Hữu Minh Tuấn mua bất động sản tại dự án Khu số 2 thuộc Khu đô thị phía đông, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang theo hợp đồng đặt cọc số 01/2022/HĐĐC-HSDA ngày 07/04/2022. Số còn lại là khoản cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ của các đối tượng khác.

5.5 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	55.673.465.228	-	29.503.993.500	-
Công cụ, dụng cụ	2.272.529.983	-	2.278.630.461	-
Chi phí SXKD dở dang	10.775.676.467	-	5.749.397.845	-
Thành phẩm nhập kho	30.853.831.682	-	15.853.428.875	-
Hàng hóa	7.932.990.736	-	5.055.947.894	-
Cộng	107.508.494.096	-	58.441.398.575	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

5.6 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn****b) Xây dựng cơ bản dở dang**

+ Xây dựng, sửa chữa văn phòng, nhà máy

+ Dây chuyền máy móc sản xuất sơn

Cộng

30/06/2022

01/01/2022

-	-
78.378.907.041	76.032.440.031
43.758.212.358	42.677.041.354
34.620.694.683	33.355.398.677
78.378.907.041	76.032.440.031

5.7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Ngắn hạn**

- Chi phí quảng cáo

- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ

- Chi phí trả trước ngắn hạn khác

b) Dài hạn

- Chi phí quảng cáo

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng

- Chi phí li xăng nhãn hiệu hàng hóa

- Chi phí dài hạn khác

30/06/2022

01/01/2022

9.941.697.933	4.094.164.874
6.898.494.107	2.281.987.270
1.331.331.817	176.877.604
1.711.872.009	1.635.300.000
3.728.209.897	2.225.223.343
1.766.199.196	279.211.926
205.013.075	188.766.163
1.500.000.000	1.636.363.636
256.997.626	120.881.618

5.8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Chứng khoán kinh doanh****b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn****Ngắn hạn****Cộng****Dài hạn**

- Tiền gửi tại Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam (1)

- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (2)

Cộng

30/06/2022

01/01/2022

-	-
2.400.000.000	2.000.000.000
-	-
-	-
2.400.000.000	2.400.000.000
400.000.000	400.000.000
2.000.000.000	2.000.000.000
2.400.000.000	2.400.000.000

(1) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2021/HĐTG/BC-VLC ngày 31/03/2021 giữa Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam ký với Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, số tiền 400 triệu đồng, kỳ hạn 54 tháng, lãi suất thả nổi, lãi trả cuối kỳ;

(2) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành năm 2020, số lượng 20.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu 8 năm, năm đáo hạn 2028, lãi suất trái phiếu là lãi suất tham chiếu +0,9%/năm. Toàn bộ trái phiếu đã được cầm cố cho các khoản vay của Công ty.

5.9 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**a) Ngắn hạn****b) Dài hạn**

Giá trị lợi thế thương mại đầu năm

20.510.762.831

Lợi thế thương mại tăng trong kỳ

Giá trị lợi thế thương mại giảm do chuyển nhượng một phần vốn góp

Giá trị lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ

1.281.922.677

Giá trị còn lại của lợi thế thương mại tại ngày cuối kỳ kế toán

19.228.840.154

Cộng

19.228.840.154

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Ký kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B 09a-DN/HN

5.10 . NỢ XẤU

Đơn vị : VND

	30/06/2022		01/01/2022		Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
- Các khoản phải thu ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Á Châu G8	192.880.615	-	192.880.615	-	(192.880.615)
Công ty TNHH Phương Đồng	31.631.516	-	31.631.516	-	(31.631.516)
Công ty TNHH MTV TM Sơn Hiến	102.599.197	-	102.599.197	-	(102.599.197)
Công ty TNHH TM An Dương	48.966.375	-	48.966.375	-	(48.966.375)
Doanh nghiệp Minh Châu	41.393.406	-	41.393.406	-	(41.393.406)
Công ty TNHH XD & TMDV Hưng Việt	186.296.132	-	186.296.132	-	(186.296.132)
Công ty TNHH XD & TMĐT Đại Phú Gia	99.476.541	-	99.476.541	-	(99.476.541)
Công ty Cổ phần Đầu tư TM Huy Phát	30.396.555	-	30.396.555	-	(30.396.555)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải số 6	22.396.342	-	22.396.342	-	(22.396.342)
Công ty TNHH Thanh Phụng	28.259.444	-	28.259.444	-	(28.259.444)
Công ty TNHH XD Vận tải Hải Nam	29.252.869	-	29.252.869	-	(29.252.869)
Công ty TNHH Xây dựng Phú Yên	68.156.611	-	68.156.611	-	(68.156.611)
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Kinki	179.478.333	89.739.167	179.478.333	89.739.167	(89.739.166)
Nhà phân phối Châu Ái	31.561.658	15.780.829	31.561.658	15.780.829	(15.780.829)
Nhà phân phối Dương Việt Dũng	74.973.795	37.486.897	74.973.795	37.486.897	(37.486.898)
Nhà phân phối Mạnh Dũng	37.013.327	18.506.663	37.013.327	18.506.663	(18.506.664)
Nhà phân phối Phúc Hưng	59.790.270	29.895.135	59.790.270	29.895.135	(29.895.135)
Nhà phân phối sơn Viglacera	68.749.775	34.374.888	68.749.775	34.374.888	(34.374.887)
Tuyết Huân	51.268.960	25.634.480	51.268.960	25.634.480	(25.634.480)
Xí nghiệp Xây dựng 4 - Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng VIG	162.049.631	81.024.816	162.049.631	81.024.816	(81.024.815)
Đại lý Hằng Cường	36.997.153	18.498.576	36.997.153	18.498.576	(18.498.577)
Các công ty khác	5.701.363.158	1.744.570.274	5.701.363.158	1.744.570.274	(3.956.792.884)
Cộng	7.284.951.663	2.095.511.725	7.284.951.663	2.095.511.725	(5.189.439.938)

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B 09a-DN/HN

5.11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	27.914.520.494	63.375.591.256	63.157.792.649	826.420.002	31.700.000	155.306.024.401
Tăng trong kỳ	-	523.089.250	1.030.110.519	140.378.000	-	1.693.577.769
- Mua trong kỳ	-	523.089.250	1.030.110.519	140.378.000	-	1.693.577.769
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	(6.218.167.091)	-	-	(6.218.167.091)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(6.218.167.091)	-	-	(6.218.167.091)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	27.914.520.494	63.898.680.506	57.969.736.077	966.798.002	31.700.000	150.781.435.079
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	7.052.830.660	41.221.741.489	31.325.023.223	330.470.045	31.700.000	79.961.765.417
Tăng trong kỳ	417.722.254	4.712.894.571	4.439.716.100	91.155.960	-	9.667.758.885
- Số khấu hao trong kỳ	417.722.254	4.712.894.571	4.439.716.100	91.155.960	6.270.000	9.667.758.885
Giảm trong kỳ	-	-	(3.155.748.463)	-	-	(3.155.748.463)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.155.748.463)	-	-	(3.155.748.463)
Số dư cuối kỳ	7.470.552.914	45.934.636.060	32.608.990.860	421.626.005	31.700.000	86.473.775.839
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	20.861.689.834	22.153.849.767	31.832.769.426	495.949.957	-	75.344.258.984
2. Tại ngày cuối kỳ	20.443.967.580	17.964.044.446	25.360.745.217	545.171.997	-	64.307.659.240

• Giá trị còn lại của TSCĐ tại ngày 30/06/2022 hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

• Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

47.076.102.103 VND

29.810.934.185 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

5.12 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán, thiết kế	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.725.114.300	40.212.000	6.765.326.300
Số dư cuối kỳ	6.725.114.300	40.212.000	6.765.326.300
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	706.137.012	40.212.000	746.349.012
Tăng trong kỳ	67.251.144	-	67.251.144
- Số khấu hao trong kỳ	67.251.144	-	67.251.144
Số dư cuối kỳ	773.388.156	40.212.000	813.600.156
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	6.018.977.288	-	6.018.977.288
2. Tại ngày cuối kỳ	5.951.726.144	-	5.951.726.144

• Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình tại ngày 30/06/2022 đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.951.726.144 VND

• Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 40.212.000 VND

5.13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	56.509.302.285	56.509.302.285	42.585.713.960	42.585.713.960
- Công ty TNHH Thương mại và Hóa chất HD	-	-	1.356.600.000	1.356.600.000
- Công ty TNHH Sản xuất TM Ngọc Sơn Hà Nội	7.287.038.430	7.287.038.430	4.807.939.840	4.807.939.840
- Công ty TNHH MTV Bao Bì & Thương mại Quang Huy	2.874.287.700	2.874.287.700	2.421.622.950	2.421.622.950
- Công ty TNHH Hóa chất Minh Hóa	2.411.083.567	2.411.083.567	1.778.696.347	1.778.696.347
- Công ty TNHH Thái Sơn G.M	8.470.863.134	8.470.863.134	2.823.524.262	2.823.524.262
- Công ty Cổ Phần Kemic	3.738.095.200	3.738.095.200	3.081.021.200	3.081.021.200
- Tổng Công ty Viglacera - CTCP	1.603.841.532	1.603.841.532	1.891.770.971	1.891.770.971
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ TTK	4.778.517.460	4.778.517.460	1.794.013.660	1.794.013.660
- Phải trả cho các đối tượng khác	25.345.575.262	25.345.575.262	22.630.524.730	22.630.524.730
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	103.699.621	103.699.621	103.699.621	103.699.621
- Công ty TNHH TM Quảng Ngà	27.629.620	27.629.620	27.629.620	27.629.620
- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàng Phát	38.000.000	38.000.000	38.000.000	38.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Yến	38.070.001	38.070.001	38.070.001	38.070.001
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

5.14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.143.737.426	4.143.737.426	2.888.320.978	2.888.320.978
- Đối tượng khác	4.143.737.426	4.143.737.426	2.888.320.978	2.888.320.978
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-

5.15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp, bù trừ trong kỳ	30/06/2022
a) Phải nộp	9.320.803.694	20.298.767.049	26.432.067.332	3.187.503.411
- Thuế GTGT	3.865.219.912	17.161.925.386	19.037.791.410	1.989.353.888
- Thuế TNDN	4.800.128.469	2.051.652.432	5.779.585.138	1.072.195.763
- Thuế TNCN	627.366.674	655.268.015	1.170.449.320	112.185.369
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	28.088.639	429.921.216	444.241.464	13.768.391

	01/01/2022	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	30/06/2022
b) Phải thu	8.000.000	123.904.871	-	131.904.871
- Thuế GTGT	4.000.000	20.756.798	-	24.756.798
- Thuế TNDN	4.000.000	-	-	4.000.000
- Thuế thu nhập cá nhân	-	103.148.073	-	103.148.073

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn	515.000.000	694.475.822
- Trích trước chi phí kiểm toán	95.000.000	190.000.000
- Các khoản trích trước khác	420.000.000	504.475.822
b) Dài hạn	-	-

5.17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn	21.351.195.114	15.198.240.866
- Kinh phí công đoàn	540.716.391	507.989.349
- Bảo hiểm xã hội	315.448.195	202.068.723
- Phải trả, phải nộp khác	16.954.974.598	10.993.627.494
- Nhận ký quỹ, ký cược	3.540.055.930	3.494.555.300
b) Dài hạn	720.430.120	720.430.120
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	720.430.120	720.430.120
- Phải trả, phải nộp khác	-	-
c) Phải trả khác là các bên liên quan	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

5.18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

	Trong kỳ				01/01/2022
	30/06/2022		Tăng	Giảm	Giá trị
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			
a) Vay ngắn hạn và vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	75.613.947.491	75.613.947.491	107.268.499.712	102.618.532.466	70.963.980.245
Vay ngắn hạn ngân hàng	65.811.177.007	65.811.177.007	101.859.375.068	98.372.862.136	62.324.664.075
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (1)	15.292.459.276	15.292.459.276	17.876.226.376	18.560.507.148	15.976.740.048
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng (2)	13.375.519.972	13.375.519.972	23.676.997.497	23.596.757.799	13.295.280.274
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (3)	23.922.674.499	23.922.674.499	47.991.727.935	56.215.597.189	32.146.543.753
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa (4)	9.293.531.521	9.293.531.521	9.293.531.521	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (5)	3.020.891.739	3.020.891.739	3.020.891.739	-	-
- Ngân hàng Chính sách Xã hội - huyện Gia Lâm (6)	906.100.000	906.100.000	-	-	906.100.000
Vay dài hạn đến hạn trả	4.294.278.484	4.294.278.484	1.126.150.644	3.020.152.330	6.188.280.170
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (7)	167.000.000	167.000.000	77.000.000	90.000.000	180.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (8)	3.011.274.840	3.011.274.840	186.084.000	2.759.554.330	5.584.745.170
- Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - CN Hà Nội (9)	764.566.644	764.566.644	764.566.644	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Long An (10)	132.337.000	132.337.000	-	49.998.000	182.335.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Long An (11)	219.100.000	219.100.000	98.500.000	120.600.000	241.200.000
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	5.508.492.000	5.508.492.000	4.282.974.000	1.225.518.000	2.451.036.000
- Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (12)	5.508.492.000	5.508.492.000	4.282.974.000	1.225.518.000	2.451.036.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

5.18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

					Mẫu số B 09a-DN/HN	
					Đơn vị tính: VND	
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
		12.229.236.579	12.229.236.579	425.000.000	7.296.524.856	19.100.761.435
Vay dài hạn		1.060.711.266	1.060.711.266	425.000.000	1.484.822.856	2.120.534.122
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (7)		-	-	-	77.000.000	77.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (8)	274.164.000		274.164.000	-	186.084.000	460.248.000
- Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - CN Hà Nội (9)	786.547.266		786.547.266	425.000.000	1.123.238.856	1.484.786.122
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Long An (10)	-		-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Long An (11)	-		-	-	98.500.000	98.500.000
Nợ thuế tài chính dài hạn	11.168.525.313	11.168.525.313	-	-	5.811.702.000	16.980.227.313
- Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (12)	11.168.525.313	11.168.525.313	-	-	5.811.702.000	16.980.227.313
Cộng	87.843.184.070	87.843.184.070	107.693.499.712	109.915.057.322	90.064.741.680	90.064.741.680

c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

					01/01/2022	
					Trả tiền lãi thuế tài chính	Trả nợ gốc
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công Thương Việt Nam (12)	Tổng khoản thanh toán thuế TC	Trả tiền lãi thuế tài chính	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế TC		
	19.291.215.694	2.614.198.381	16.677.017.313	20.758.786.957	1.327.523.644	19.431.263.313
Từ 1 năm trở xuống	6.924.161.359	1.415.669.359	5.508.492.000	3.135.140.883	684.104.883	2.451.036.000
Từ 1 năm đến 5 năm	12.367.054.335	1.198.529.022	11.168.525.313	17.623.646.074	643.418.761	16.980.227.313
Cộng	19.291.215.694	2.614.198.381	16.677.017.313	20.758.786.957	1.327.523.644	19.431.263.313

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

5.18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/4729252/HĐTD giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ngày 20/06/2021, hạn mức cho vay 30 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là ô tô Toyota Innova 2.0E BKS 29A-871.21, ô tô Hyundai I10 BKS 30A.627.39 và các quyền sử dụng đất, căn hộ của bên thứ 3, cổ phiếu của bên thứ 3.

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2012/0057 ngày 16/11/2012 và phụ lục bổ sung hợp đồng tín dụng ký ngày 19/03/2021 và phụ lục ngày 15/06/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng, hạn mức tín dụng là 13,5 tỷ đồng, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ 3.

(3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội bao gồm các hợp đồng:

Hợp đồng cho vay hạn mức số 260-03/2021-HDCV/NHCT131-SDA ngày 06 tháng 08 năm 2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức là 25 tỷ, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh sơn, bột bả, chất chống thấm. Tài sản thế chấp là 1 xe Lexus, toàn bộ 60 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2019 và đáo hạn năm 2026, 1 xe ô tô Ford BKS 29C-610.26, 1 xe ô tô Ford BKS 29C-383.46, 1 xe ô tô tải Pick up BKS 29C-608.49, 1 xe Mazda BKS 30E-063.63, 1 xe ô tô Kia BKS 30E- 492.90, 1 xe ô tô Hyundai BKS 30F-372.89, 1 xe Hyundai BKS 30F-547.96, 1 xe Hyundai BKS 30F-708, 1 xe Hyundai BKS 30F-191.98, 1 xe Hyundai BKS 30F192-48, 1 xe ô tô Nissan BKS 29H-141.11, 1 xe ô tô tải Pick up BKS 29H-216.07, 1 xe ô tô Nissan BKS 29C-799.21, 1 xe ô tô tải Ford BKS 29C-790.49, 1 xe ô tô tải Hyundai BKS 30F-527.55, các khoản phải thu và hàng tồn kho của Công ty cùng các máy móc thiết bị pha chế sơn và nhiều bất động sản của bên thứ 3.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 259-03/2021-HĐCVHM/NHCT131-BCSG ngày 04 tháng 08 năm 2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức 10 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ 05/08/2021 đến 05/08/2022, thời hạn cho vay theo từng khoản nợ nhưng không quá 6 tháng, lãi suất quy định trong từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tài sản đảm bảo là hợp đồng thế chấp bất động sản số 80/2017/HĐTC/NHCT131-SDASG ngày 09/05/2017 giữa Công ty Bewin & Coating SG và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Đông.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 258-03/2021-HĐCVHM/NHCT131-BCVN ngày 04/08/2021 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, hạn mức cho vay 5.000.000.000 VND, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời gian vay không quá 3 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sơn, bột bả, chất chống thấm, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Quốc Quyền (vợ là bà Nguyễn Thị Thúy Nga).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

(4) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đống Đa bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng cấp tín dụng số 41747.21.059.1978415.TD giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đống Đa ngày 08/08/2021. Hạn mức tín dụng 1: 15 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay là 15 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán là 2,5 tỷ đồng, hạn mức phát hành L/C (không gồm LC xuất khẩu) là 5 tỷ đồng; Hạn mức tín dụng 2: 30 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay là 30 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán là 5 tỷ đồng, hạn mức phát hành L/C (không gồm LC xuất khẩu) là 10 tỷ đồng. Tại thời điểm ký hợp đồng cấp tín dụng này hạn mức tín dụng 1 có hiệu lực, hạn mức tín dụng 2 chưa có hiệu lực. Hạn mức tín dụng 2 chỉ phát sinh hiệu lực khi Công ty có nhu cầu sử dụng vượt giá trị của hạn mức tín dụng 1 có đề nghị gửi cho ngân hàng và được ngân hàng chấp thuận. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng từ ngày ký hợp đồng đến ngày 19/07/2022, thời hạn của mỗi khoản tín dụng trong hạn mức không vượt quá 9 tháng. Tài sản đảm bảo là 4 xe ô tô Hyundai BKS 30F-134.12, 30F-136.49, 30F-165.53, 30F-372.89 và 3 xe ô tô Toyota BKS 30F-194.34, 30F-195.05, 30F-244.36 của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đồng Á; 2 xe ô tô Hyundai số 30F-682.15 và 30F-682.28 của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam.

(5) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng cấp tín dụng số 32/22/CTD/VCBCD-SDA giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ngày 08/06/2022, giới hạn cấp tín dụng 20 tỷ đồng, thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 08/06/2023, lãi suất quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ 25/6 Liên khu 7-13, khu phố 7, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Quốc Quyền, bà Nguyễn Thị Thúy Nga; quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ 05 nhà C2 TT viện sốt rét - KST - CT Trung ương, phường Trung Ván, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội của ông Trần Xuân Thọ, bà Nguyễn Thị Ngọc Minh; 1.214.000 cổ phiếu HDA của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đồng Á của bà Lê Như Ngọc, ông Nguyễn Văn Sơn; Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh đang trên đường vận chuyển hoặc được để tại kho của Công ty tại số 59 Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội và/hoặc tại khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

(6) Vay ngắn hạn Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Gia Lâm bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 20042.20059.1978415.TD ngày 25/05/2020 và phụ lục hợp đồng ký ngày 21 tháng 04 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đồng Á và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa, hạn mức tín dụng 1 là 16,5 tỷ đồng, hạn mức tín dụng 2 là 33 tỷ đồng, mục đích vay sử dụng cho việc sản xuất kinh doanh sơn giai đoạn 2020-2021, lãi suất thả nổi, thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 21/06/2021, tài sản đảm bảo là các tài sản được hình thành bằng vốn vay, các tài sản ký quỹ, sổ tiết kiệm mở tại ngân hàng quân đội, giấy tờ có giá do ngân hàng phát hành...

(7) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/4729252/HĐTD ngày 01/06/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung, hạn mức vay 542 triệu đồng, mục đích vay mua 01 xe ô tô Hyundai Tucson 2.0AT bản đặc biệt máy xăng, thời gian vay 36 tháng, lãi suất đến 30/06/2020 là 10,5%/năm, từ 01/07/2020 lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần, tài sản thế chấp là xe Hyundai hình thành từ khoản vay.

(8) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 193-03/2019-HĐCVDADDT/NHCT131-SDA ngày 09 tháng 05 năm 2019, hạn mức 392.000.000 đồng, mục đích thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư mua sắm 01 xe ô tô mới 100%, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất thả nổi, đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 420-03/2019-HĐCVDADDT/NHCT131-SDA ngày 29 tháng 07 năm 2019, hạn mức 422.500.000 đồng, mục đích thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger BKS 29H-216.07, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 175-03/2021-HĐCVDADT/NHCT131-BCSG ngày 28 tháng 05 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội tổng hạn mức 822.500.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai, số loại Santafe phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 174-03/2021-HĐBĐ/NHCT131-BCSG ngày 28/05/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 229-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 28 tháng 05 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 840.000.000 đồng, thời hạn 48 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để mua sắm 1 xe ô tô 7 chỗ Hyundai phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 228-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 27/05/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 276-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 20 tháng 06 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 455.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ hiệu Ford Ecosport mới 100% màu sơn trắng phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 275-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 19/06/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 284-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 20 tháng 06 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 505.050.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pickup cabin kép phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 283-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 20/06/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 360-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 11 tháng 07 năm 2019, tổng hạn mức 660.450.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 02 xe ô tô con phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 358-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 11/07/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 378-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 18 tháng 07 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 455.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pick up cabin kép hiệu Ford Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 370-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 17/07/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 464-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 07 tháng 08 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 469.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ ngồi hiệu Hyundai số loại Kona phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 463-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 07/08/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 507-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 16 tháng 08 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 455.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pickup cabin kép 05 chỗ ngồi hiệu FORD số loại RANGER phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 498-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 15/08/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 621-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 19 tháng 09 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 459.200.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ ngồi hiệu Hyundai số loại Elantra phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 620-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 19/09/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 683-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 596.400.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ ngồi hiệu HYUNDAI số loại TUCSON TL 3-2.0NU 6AT FL phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 678-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 03/10/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 750-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 385.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA số loại VIOS G phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 746-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 23/10/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 781-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 558.600.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pickup cabin kép nhãn hiệu Ford số loại Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 780-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 30/10/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 803-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 595.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai số loại Tucson màu đỏ phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 802-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 08/11/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 811-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 295.400.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ hiệu Hyundai số loại Accent 1.4MT BASE phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 810-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 12/11/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 836-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 20 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 631.400.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai số loại TUCSON phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 835-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 20/11/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 892-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 02 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 1.006.600.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 02 xe ô tô con nhãn hiệu FORD số loại RANGER phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 891-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 02/12/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 992-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 27 tháng 12 năm 2019, tổng hạn mức 429.800.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu KIA số loại CERATO phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 991-03/2019/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 27/12/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 69-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 14 tháng 02 năm 2020, tổng hạn mức 448.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Ford, số loại Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 63-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 13/02/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 105-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 03 tháng 03 năm 2020, tổng hạn mức 453.600.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai, số loại Elantra phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 105-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 03/03/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 147-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 24 tháng 03 năm 2020, tổng hạn mức 209.300.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Kia, số loại Morning phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 146-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 23/03/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 177-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 08 tháng 04 năm 2020, tổng hạn mức 419.300.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pick up cabin kép nhãn hiệu Ford, số loại Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 460-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 10 tháng 07 năm 2020, tổng hạn mức 441.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Mitsubishi, số loại Xpander phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 452-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 09/07/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 553-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 12 tháng 08 năm 2020, tổng hạn mức 455.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Ford, số loại Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 552-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 11/08/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 826-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 17 tháng 11 năm 2020, tổng hạn mức 503.300.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Kia Seltos phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 37-03/2021-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 03 tháng 02 năm 2021, tổng hạn mức 114.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, số loại Vios phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 36-03/2021/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 03/02/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 53-03/2021-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 19 tháng 02 năm 2021, tổng hạn mức 184.500.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pick up cabin kép nhãn hiệu Mitsubishi, số loại Triton GLX phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 52-03/2021/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 19/02/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 71-03/2021-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 10 tháng 03 năm 2021, tổng hạn mức 204.600.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pick up cabin kép nhãn hiệu Toyota, số loại HILUX phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 70-03/2021/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 10/03/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 144-03/2021-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 28 tháng 04 năm 2021, tổng hạn mức 290.150.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải nhãn hiệu KIA, số loại Frontier phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 143-03/2021/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 28/04/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 167-03/2021-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 24 tháng 05 năm 2021, tổng hạn mức 455.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pick up cabin kép nhãn hiệu Ford, số loại Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 166-03/2021/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 24/05/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

(9) Vay dài hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - CN Hà Nội bao gồm những thỏa thuận cấp tín dụng sau:

- Thỏa thuận cấp tín dụng số HAN/000064/21 ngày 14/05/2021 ký với Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - CN Hà Nội, hạn mức vay tối đa 750.000.000 VND, lãi vay 7,5%/năm một năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, các năm sau sẽ được điều chỉnh, thời hạn khoản vay là 36 tháng, mục đích vay để tài trợ một phần cho việc mua xe ô tô Hyundai SantaFe Premium của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô biển kiểm soát 30G - 989.60

- Thỏa thuận cấp tín dụng số HAN/000073/21 ngày 14/05/2021 ký với Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - CN Hà Nội, hạn mức vay tối đa 750.000.000 VND, lãi vay 7,5%/năm một năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, các năm sau sẽ được điều chỉnh, thời hạn khoản vay là 36 tháng, mục đích vay để tài trợ một phần cho việc mua xe ô tô Hyundai Sanafe TM4 của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô biển kiểm soát 30H - 032.79

- Thỏa thuận cấp tín dụng số HAN/000035/21 ngày 10/03/2021 ký với Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - CN Hà Nội, hạn mức vay tối đa 370.000.000 VND, lãi vay 7,5%/năm một năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, các năm sau sẽ được điều chỉnh, thời hạn khoản vay là 36 tháng, mục đích vay để tài trợ một phần cho việc mua xe ô tô PEUGEOT 2008 ACTIVE của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô PEUGEOT 2008 ACTIVE hình thành từ khoản vay.

- Thỏa thuận cấp tín dụng số HAN/000013/22 ngày 21/01/2022 ký với Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - CN Hà Nội, hạn mức vay tối đa 425.000.000 VND, lãi vay 9%/năm một năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, các năm sau sẽ được điều chỉnh, thời hạn khoản vay là 36 tháng, mục đích vay để tài trợ một phần cho việc mua xe ô tô Mitsubishi Triton 4x2 AT của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô BKS 43C-259.91.

(10) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số LD1936200260 ngày 30/12/2019 ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Long An, số tiền vay 686.000.000 VND, thời hạn vay 03 năm, lãi suất vay 11% trong 03 tháng đầu tiên từ các tháng tiếp theo là lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ, mục đích vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, tài sản đảm bảo là xe ô tô con thuộc sở hữu của Công ty.

- Hợp đồng tín dụng số LD2008100086 ngày 23/03/2020 ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Long An, số tiền vay 300.000.000 VND, thời hạn vay 03 năm, lãi suất vay 11% trong 03 tháng đầu tiên từ các tháng tiếp theo là lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ, mục đích vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, tài sản đảm bảo là xe ô tô con thuộc sở hữu của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

(11) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Long An bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay số LAN/20055 ngày 06/05/2020 giữa Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) - CN Long An, số tiền 721.600.000 VND, thời hạn cho vay là 36 tháng, lãi suất vay 10,8%/năm trong 03 tháng đầu tiên, được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/1 lần, mục đích vay để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô Mazda số loại CX-5 20G, tài sản đảm bảo là xe ô tô Mazda CX-5 thuộc sở hữu của Công ty.

(12) Vay dài hạn Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.013/2020/TSC-CTTC ngày 03/03/2020 ký giữa Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, số tiền thuê tạm tính là 14.459.060.841 VND tương đương với 471.815 EUR, lãi suất 9%/năm cho 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn thuê 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ, mục đích thuê để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp theo dự án/phương án thuê tài chính, hợp đồng được bảo lãnh từ Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á theo Công văn số 01.0301/2020.BL-HDA ngày 03/01/2020 do Công ty Hăng sơn Đông Á phát hành. Hiện tại, dây chuyền máy móc sản xuất sơn thuê tài chính đang trong quá trình lắp đặt.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.086/2020/TSC-CTTC ngày 23/09/2020 ký giữa Công ty và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, số tiền thuê tạm tính là 16.500.000.000 VND, lãi suất 8,5%/năm cho 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn thuê 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ, mục đích thuê để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp theo dự án/phương án thuê tài chính, hợp đồng được bảo lãnh từ Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á theo công văn số 01.0301/2020.BL-HDA ngày 03/01/2020 do Công ty Hăng sơn Đông Á phát hành. Hiện tại, dây chuyền máy móc sản xuất sơn thuê tài chính đang trong quá trình lắp đặt.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B 09a-DN/HN

5.19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	115.000.000.000	(68.454.545)	62.876.752.824	15.601.506.882	10.366.687.433	203.776.492.594
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	2.449.512.174	26.021.372.158	28.470.884.332
Tăng khác	-	-	-	-	461.791.044	461.791.044
Trích lập các quỹ	-	-	4.305.686.810	-	-	4.305.686.810
Giảm khác	-	-	-	(2.876.321.570)	(10.366.687.433)	(13.243.009.003)
- <i>Phân phối lợi nhuận</i>	-	-	-	(2.876.321.570)	(10.366.687.433)	(13.243.009.003)
Số dư cuối năm trước	115.000.000.000	(68.454.545)	67.182.439.634	15.174.697.486	26.483.163.202	223.771.845.777
Tăng vốn trong kỳ này (*)	115.000.000.000	-	-	-	-	115.000.000.000
Lãi trong kỳ này	-	-	-	486.018.326	4.055.573.327	4.541.591.653
Trích lập các quỹ	-	-	11.623.836.674	-	-	11.623.836.674
Giảm khác	-	(207.000.000)	-	(538.173.267)	(26.483.163.202)	(27.228.336.469)
- <i>Phân phối lợi nhuận (**)</i>	-	-	-	(538.173.267)	(26.483.163.202)	(27.021.336.469)
Số dư cuối kỳ	230.000.000.000	(275.454.545)	78.806.276.308	15.122.542.545	4.055.573.327	327.708.937.635

(*) Trong kỳ, Công ty tăng vốn theo Nghị quyết số 02/2019/HĐA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/09/2021.

(**) Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 06 năm 2022. Chi tiết như sau:

- Chia cổ tức năm 2021	13.800.000.000
- Chi trả thù lao HĐQT và Thư ký Công ty	1.059.326.528
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	11.623.836.674
Tổng	26.483.163.202

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp tại ngày 30/06/2022	30/06/2022	01/01/2022
Bà Lê Như Ngọc	14,15%	32.549.000.000	12.140.000.000
Ông Mai Anh Tám	8,35%	19.206.270.000	9.603.270.000
Ông Nguyễn Quốc Quyền	3,60%	8.269.000.000	8.269.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	73,90%	169.975.730.000	84.987.730.000
Cộng	100%	230.000.000.000	115.000.000.000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Vốn góp đầu năm		115.000.000.000	115.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		115.000.000.000	-
- Vốn góp giảm trong kỳ		-	-
- Vốn góp cuối kỳ		230.000.000.000	115.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		26.483.163.202	10.366.687.433
d) Cổ phiếu		30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		23.000.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		23.000.000	11.500.000
- Cổ phiếu phổ thông		23.000.000	11.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		23.000.000	11.500.000
- Cổ phiếu phổ thông		23.000.000	11.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 đồng	10.000 đồng
e) Các quỹ của doanh nghiệp		30/06/2022	01/01/2022
- Quỹ đầu tư phát triển		78.806.276.308	67.182.439.634
f) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.			

5.20 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ****a) Doanh thu**

- Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh sơn
- Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm
- Doanh thu khác

b) Doanh thu đối với các bên liên quan**6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

- Chiết khấu thương mại
- Hàng bán bị trả lại

Cộng**6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN****Giá vốn của hàng đã bán**

- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh sơn
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm
- Giá vốn khác

6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, cho vay

Cộng**6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền vay
- Lỗ chênh lệch tỷ giá

Cộng**6.6 . THU NHẬP KHÁC**

- Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản
- + Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ
- + Giá trị còn lại của TSCĐ
- Thu nhập khác

Cộng**6.7 . CHI PHÍ KHÁC**

- Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản
- + Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ
- + Giá trị còn lại của TSCĐ
- Các khoản khác

Cộng

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
a) Doanh thu	151.475.853.477	188.491.099.072
- Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh sơn	138.001.924.835	162.928.398.866
- Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	9.163.895.298	16.524.484.694
- Doanh thu khác	4.310.033.344	9.038.215.512
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-
6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
- Chiết khấu thương mại	36.261.524.193	49.846.704.752
- Hàng bán bị trả lại	1.468.661.028	372.112.989
Cộng	37.730.185.221	50.218.817.741
6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
Giá vốn của hàng đã bán	62.891.805.916	77.241.976.275
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh sơn	56.802.227.071	65.144.227.080
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	4.128.004.932	7.281.383.858
- Giá vốn khác	1.961.573.914	4.816.365.337
6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
- Lãi tiền gửi, cho vay	24.983.042	29.799.039
Cộng	24.983.042	29.799.039
6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
- Lãi tiền vay	2.491.185.699	2.280.836.331
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	2.494.311
Cộng	2.491.185.699	2.283.330.642
6.6 . THU NHẬP KHÁC		
- Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản	-	815.137
+ Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	-	664.184.863
+ Giá trị còn lại của TSCĐ	-	665.000.000
- Thu nhập khác	399.645.000	25.126.339
Cộng	399.645.000	25.941.476
6.7 . CHI PHÍ KHÁC		
- Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản	199.418.628	5.301.616
+ Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	2.863.000.000	559.574.784
+ Giá trị còn lại của TSCĐ	3.062.418.628	564.876.400
- Các khoản khác	65.419.172	266.145.157
Cộng	264.837.800	271.446.773

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	10.537.764.122	10.384.662.409
Chi phí nhân công quản lý	5.853.732.705	5.463.717.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.125.388.345	1.195.501.948
Phân bổ lợi thế thương mại	1.281.922.677	1.281.922.677
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.276.720.395	2.443.520.018
b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	31.046.328.025	33.608.131.997
Chi phí nhân viên	9.029.289.877	9.029.648.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.014.982.846	12.002.892.016
Chi phí quảng cáo	3.449.757.194	5.711.103.084
Chi phí bán hàng khác	10.552.298.108	6.864.488.885

6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	98.761.843.359	96.486.925.594
Chi phí nhân công	18.559.455.536	18.409.255.297
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.735.010.024	10.208.280.329
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.881.379.908	6.784.460.803
Chi phí bằng tiền khác	12.208.292.680	9.936.092.672
Cộng	142.145.981.507	141.825.014.695

6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
- Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á	691.139.822	1.294.554.436
- Công ty Cổ phần Bewin&Coating SG	176.051.242	268.926.309
- Công ty Cổ phần Bewin&Coating Vietnam	850.168.599	1.198.601.001
Thuế TNDN hiện hành	1.717.359.663	2.762.081.746

6.11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	679.423.420	586.990.809
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	679.423.420	586.990.809

6.12 LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	4.055.573.327	10.209.598.562
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi		
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu		
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.250.000	11.500.000
Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu	235	888

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	7.425.000.000

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	102.284.375.068	113.559.646.392

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	101.751.686.678	104.981.437.043

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

CHỈ TIÊU

	Sản xuất và kinh doanh sơn	Sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	Sản xuất kinh doanh khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	138.001.924.835	9.163.895.298	4.310.033.344	151.475.853.477
Các khoản giảm trừ doanh thu	37.730.185.221			37.730.185.221
Giá vốn hàng bán	56.802.227.071	4.128.004.932	1.961.573.914	62.891.805.916
Lợi nhuận gộp	43.469.512.543	5.035.890.366	2.348.459.430	50.853.862.340
Tổng tài sản				506.454.877.016
Nợ phải trả				178.745.939.381
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các TS dài hạn khác)				4.040.044.779
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				10.202.802.680
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn				

Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

CHỈ TIÊU

	Sản xuất và kinh doanh sơn	Sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	Sản xuất kinh doanh khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	162.928.398.866	16.524.484.694	9.038.215.512	188.491.099.072
Các khoản giảm trừ doanh thu	46.662.231.598	3.552.368.603	4.217.540	50.218.817.741
Giá vốn hàng bán	65.144.227.080	7.281.383.858	4.816.365.337	77.241.976.275
Lợi nhuận gộp	51.121.940.188	5.690.732.233	4.217.632.635	61.030.305.056
Tổng tài sản				390.492.915.173
Nợ phải trả				182.498.000.198
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các TS dài hạn khác)				18.260.231.552
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				15.945.157.732
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn				

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Ký kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B 09a-DN/HN

8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại thị trường trong nước tại miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng khu vực như sau:

Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

CHỈ TIÊU	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	TỔNG CỘNG
Doanh thu	86.602.707.093	24.383.435.206	40.489.711.178	151.475.853.477
Các khoản giảm trừ doanh thu	23.792.874.082	4.326.844.932	9.610.466.207	37.730.185.221
Giá vốn hàng bán	26.970.695.388	17.274.121.574	18.646.988.954	62.891.805.916
Lợi nhuận gộp	35.839.137.623	2.782.468.700	12.232.256.017	50.853.862.340

Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

CHỈ TIÊU	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	TỔNG CỘNG
Doanh thu	125.164.594.050	27.463.793.821	35.862.711.201	188.491.099.072
Các khoản giảm trừ doanh thu	42.655.085.888	-	7.563.731.853	50.218.817.741
Giá vốn hàng bán	40.731.696.717	20.966.571.383	15.543.708.175	77.241.976.275
Lợi nhuận gộp	41.777.811.445	6.497.222.438	12.755.271.173	61.030.305.056

8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ

Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện quan trọng nào phát sinh trong kỳ cần được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

8.5 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

8.5 . Công cụ tài chính (tiếp)**(iii) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 30/06/2022			
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.011.720.601		72.011.720.601
Phải thu khách hàng	58.544.287.736	-	58.544.287.736
Phải thu về cho vay	-	-	-
Đầu tư	-	2.400.000.000	2.400.000.000
Phải thu khác	51.493.734.368	-	51.493.734.368
Trừ:	(5.189.439.938)	-	(5.189.439.938)
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.189.439.938)	-	(5.189.439.938)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	176.860.302.767	2.400.000.000	179.260.302.767
Các khoản vay và nợ	75.613.947.491	12.229.236.579	87.843.184.070
Phải trả người bán	56.509.302.285	-	56.509.302.285
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	21.866.195.114	720.430.120	22.586.625.234
Tổng cộng	153.989.444.890	12.949.666.699	166.939.111.589
Chênh lệch thanh khoản thuần	22.870.857.877	(10.549.666.699)	12.321.191.178
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 01/01/2022			
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.564.678.207	-	72.564.678.207
Phải thu khách hàng	59.817.866.614	-	59.817.866.614
Phải thu về cho vay	-	-	-
Đầu tư	-	2.400.000.000	2.400.000.000
Phải thu khác	13.134.636.798	-	13.134.636.798
Trừ:	(5.189.439.938)	-	(5.189.439.938)
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.189.439.938)	-	(5.189.439.938)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	140.327.741.681	2.400.000.000	142.727.741.681
Các khoản vay và nợ	70.963.980.245	19.100.761.435	90.064.741.680
Phải trả người bán	42.585.713.960	-	42.585.713.960
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	15.892.716.688	720.430.120	16.613.146.808
Tổng cộng	129.442.410.893	19.821.191.555	149.263.602.448
Chênh lệch thanh khoản thuần	10.885.330.788	(17.421.191.555)	(6.535.860.767)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	110.038.022.104	72.952.503.412	104.848.582.166	67.763.063.474
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.011.720.601	72.564.678.207	72.011.720.601	72.564.678.207
Tổng cộng	186.849.742.705	150.317.181.619	181.660.302.767	145.127.741.681
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	87.843.184.070	90.064.741.680	87.843.184.070	90.064.741.680
Phải trả người bán	56.509.302.285	42.585.713.960	56.509.302.285	42.585.713.960
Phải trả khác	22.071.625.234	15.918.670.986	22.071.625.234	15.918.670.986
Tổng cộng	166.424.111.589	148.569.126.626	166.424.111.589	148.569.126.626

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2022 và ngày 01/01/2022. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

8.6 . Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan**

Trong kỳ kế toán và tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Mối quan hệ
Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Trần Mai	Thành viên HĐQT
Bà An Hà My	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Tổng giám đốc Công ty mẹ kiêm Lãnh đạo các Công ty con
Bà Bùi Thị Thanh Nam	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Thoa	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Trần Khắc Thanh	Giám đốc (Công ty con)
Cao Khắc Hải	Phó Giám đốc chi nhánh Công ty mẹ

Ngoài ra, còn các bên liên quan là các cá nhân có mối quan hệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát như: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột,...

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Giao dịch với các bên liên quan

Ngoài thuyết minh giao dịch với các bên liên quan đã nêu trên, trong kỳ tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

b) Thù lao chi trả trong kỳ cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc	413.942.499	427.800.000
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Tổng giám đốc Công ty mẹ kiêm Lãnh đạo các Công ty con	209.180.837	212.000.000
Ông Trần Khắc Thanh	Giám đốc (Công ty con)	120.000.000	120.000.000
Cao Khắc Hải	Phó Giám đốc chi nhánh Công ty mẹ	180.000.000	-
Ông Đỗ Trần Mai	Thành viên HĐQT	30.000.000	20.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	30.000.000	20.000.000
Bà An Hà My	Thành viên HĐQT	30.000.000	20.000.000
Bà Bùi Thị Thanh Nam	Trưởng Ban kiểm soát	172.800.000	65.066.667
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên Ban kiểm soát	-	189.000.000
Bà Lê Thị Thoa		-	213.000.000
Tổng cộng		1.185.923.336	1.286.866.667

8.7 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

8.8 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

8.9 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

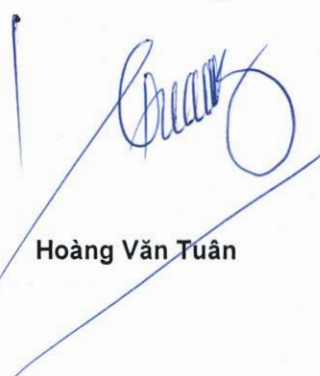
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn